

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG
Số: 1561/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Nông, ngày 21 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững
giai đoạn 2022-2031 của Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Nghĩa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi
diễn biến rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
các Văn bản: Báo cáo số 376/BC-SNN ngày 20 tháng 7 năm 2022, Công văn số
2189/SNN-KL ngày 12 tháng 9 năm 2022; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn
số 1674/STC-GCS&TCĐN ngày 31 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2022-2031
của Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Nghĩa, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên chủ rừng, địa chỉ, vị trí, diện tích



- Tên chủ rừng: Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Nghĩa.
- Địa chỉ: Thôn 7, xã Đăk Ha, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.
- Vị trí, diện tích: Tổng diện tích quản lý 11.151,77 ha, gồm các Tiểu khu: 1684, 1691, 1705, 1702, 1685, 1697, 1700, 1704, 1712, 1716, 1717, 1727, 1728, 1733, 1734, 1735, 1743 thuộc địa giới hành chính phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; xã Đăk Ha, xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

2. Mục tiêu

- Duy trì giá trị sinh thái và chức năng phòng hộ đầu nguồn của hệ thống lưu vực các nhánh sông, suối lớn của khu vực (sông Đồng Nai, SrêPók).
- Tiến hành theo dõi, đánh giá rừng và tài nguyên rừng trong lâm phần Ban quản lý để xây dựng chương trình quản lý, bảo vệ và phát triển vốn rừng lâu dài, bền vững của khu vực.
- Triển khai các chương trình, cơ chế, chính sách bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng; phối hợp chặt chẽ với Sở, Ban, ngành và địa phương, nhằm thu hút các thành phần kinh tế, đặc biệt người dân cùng tham gia bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng trong khu vực, giảm dần sức ép đối với tài nguyên của Ban quản lý.
- Tiến hành chương trình tuyên truyền, giáo dục pháp luật, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước để mọi người dân, đặc biệt đồng bào vùng sâu, vùng xa biết tầm quan trọng của rừng, chung tay bảo vệ và phát triển rừng.

3. Kế hoạch triển khai thực hiện

3.1. Kế hoạch sử dụng đất

- Duy trì quản lý, bảo vệ diện tích rừng là rừng tự nhiên hiện có: 3.058,54 ha.
- Duy trì quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng diện tích rừng trồng (*rừng Keo lai, Sao...*) hiện có: 714,32 ha.
- Duy trì quản lý, bảo vệ, phát triển (*trồng nông lâm kết hợp, trồng mới, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh*) diện tích đất chưa có rừng 7.378,91 ha (*trong đó: 2.484,85 ha đất trống không có cây gỗ tái sinh; 172,65 ha đất trống có cây gỗ tái sinh; 4.717,65 ha đất lâm nghiệp bị người dân lấn chiếm canh tác nương rẫy; 3,76 ha đất mặt nước*).

3.2. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ

3.2.1. Khoán theo công việc, dịch vụ

- Hình thức khoán: Khoán trồng rừng mới, chăm sóc rừng trồng (*trồng nông lâm kết hợp*).
- Đối tượng: Người dân, cộng đồng (*theo quy định*).
- Diện tích: 7.202,50 ha (*trồng rừng tập trung 482,72 ha, trồng nông lâm kết hợp 6.719,77 ha*).

- Vị trí: Đất trồng lâm nghiệp không có cây gỗ tái sinh tại Tiểu khu 1684, 1691, 1702, 1705 thuộc địa giới hành chính phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; Tiểu khu: 1685, 1697, 1700, 1704, 1712, 1716, 1717, 1727, 1728, 1733, 1734, 1735, 1743 thuộc địa giới hành chính xã Đăk Ha và xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong.

3.2.2. Khoán ổn định

*** Khoán khoanh nuôi tái sinh rừng:**

- Đối tượng: Người dân, cộng đồng (*theo quy định*).

- Diện tích: 172,65 ha.

- Vị trí tại các Tiểu khu 1684, 1691 phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; Tiểu khu: 1685, 1697, 1700, 1704, 1712, 1716, 1717, 1727, 1728, 1733, 1734 xã Đăk Ha (09 tiểu khu) và xã Quảng Sơn (02 tiểu khu), huyện Đăk Glong.

- Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2028.

*** Khoán rừng trồng đối với diện tích rừng trồng tập trung, trồng nông lâm kết hợp sau thời gian kiến thiết cơ bản:**

- Diện tích khoảng 4.500 ha.

- Vị trí: Tiểu khu 1684, 1691, 1702, 1705 phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; Tiểu khu: 1685, 1697, 1700, 1704, 1712, 1716, 1717, 1727, 1728, 1733, 1734, 1735, 1743 xã Đăk Ha (11 tiểu khu) và xã Quảng Sơn (02 tiểu khu), huyện Đăk Glong.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2031.

3.3. Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng và bảo tồn đa dạng sinh học

3.3.1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

a) Quản lý, bảo vệ rừng

- Quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên hiện có: 3.058,54 ha.

- Quản lý, bảo vệ rừng trồng hiện có: 714,32 ha.

- Quản lý, bảo vệ diện tích đất chưa có rừng (*đất trồng có cây gỗ tái sinh; đất lâm nghiệp bị người dân lấn chiếm trồng cây nông nghiệp; đất trồng không có cây gỗ tái sinh, ...*): 7.378,91 ha.

b) Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng

- Xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng trên diện tích có rừng 3.772,86 ha (*gồm: rừng tự nhiên 3.058,54 ha; rừng trồng 714,32 ha*) và các diện tích sau khi triển khai trồng, khoanh nuôi tái sinh rừng.

- Nội dung phòng cháy, chữa cháy rừng: Tổ chức tuyên truyền, vận động, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng; đóng bảng, biển báo cấm lửa tại các khu vực rừng trồng; lập

phương án phòng cháy và chữa cháy rừng, xây dựng công trình phòng cháy và chữa cháy rừng hàng năm... theo quy định hiện hành.

c) Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng

- Cử cán bộ chuyên trách có chuyên môn theo dõi tình hình sâu bệnh hại rừng.

- Thường xuyên liên hệ với Hạt Kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm và Chi cục Phát triển Nông nghiệp để nắm các thông tin dự báo về phát sinh, phát triển của sâu bệnh hại rừng, nhằm đề ra các biện pháp xử lý kịp thời và phù hợp không để sâu, bệnh hại lan ra thành dịch.

- Trang bị kiến thức và huấn luyện kỹ năng cần thiết như kỹ năng sử dụng ảnh viễn thám và vệ tinh để phát hiện sớm các sinh vật gây hại rừng..., bên cạnh đó phát huy kiến thức bản địa của người dân địa phương phục vụ công tác quản lý và cảnh báo tình hình sinh vật hại rừng.

- Lập kế hoạch hỗ trợ trang thiết bị: Xây dựng bản tin, tuyên truyền, hệ thống truyền thanh cho các cộng đồng dân cư để từ đó có các cộng tác viên địa bàn giúp quản lý tốt hơn về thực vật xâm hại.

d) Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao

- Xác định các khu vực cư trú quan trọng của động vật hoang dã.

- Giáo dục, đào tạo nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học và các giá trị bảo tồn đã được xác định.

- Tổ chức làm việc với các bên liên quan, phối hợp triển khai các biện pháp và hành động bảo vệ rừng có giá trị bảo tồn cao.

- Xây dựng kế hoạch quản lý các loại rừng dài hạn, trung hạn và ngắn hạn đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến động vật quý hiếm và môi trường sống của chúng.

- Thực hiện khai thác tác động thấp đối với lâm sản ngoài gỗ, giảm thiểu tác động đến sinh cảnh theo quy định.

- Tổ chức tuần tra, giám sát, ngăn chặn kịp thời các tác động tiêu cực vào rừng có giá trị bảo tồn cao.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật biến động về các loài động vật quý hiếm đã được xác định và môi trường sống của chúng. Báo cáo đánh giá định kỳ nhằm xây dựng các biện pháp quản lý, bảo vệ hiệu quả.

3.3.2. Kế hoạch phát triển rừng phòng hộ

a) Phát triển rừng tự nhiên

- Hình thức: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên.

- Địa điểm: Trên diện tích đất trống có cây gỗ tái sinh tại các Tiểu khu 1684, 1691 phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; Tiểu khu 1685, 1697,

1700, 1704, 1712, 1716, 1717, 1727, 1728, 1733, 1734 xã Đắc Ha và xã Quảng Sơn, huyện Đắc Glong;

- Diện tích: 172,65 ha;
- Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2027.

b) Phát triển rừng trồng

*** Trồng rừng tập trung:**

- Địa điểm: Đất trồng lâm nghiệp không có cây gỗ tái sinh (Dt1) thuộc Tiểu khu 1684, 1691, 1702, 1705 địa giới hành chính phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; Tiểu khu: 1685, 1697, 1700, 1704, 1712, 1716, 1717, 1727, 1728, 1733, 1734, 1735, 1743 địa giới hành chính xã Đắc Ha và xã Quảng Sơn, huyện Đắc Glong.

- Diện tích: 482,72 ha.
- Loài cây: Sao đen, Dầu, Giổi, Mắc ca, Keo....
- Thời gian thực hiện: Năm 2022-2031.

*** Trồng rừng nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán**

- Địa điểm: Đất trồng lâm nghiệp không có cây gỗ tái sinh (Dt1) và đất bị người dân lấn, chiếm canh tác nương rẫy thuộc Tiểu khu 1684; 1691, 1702, 1705 địa giới hành chính phường Quảng Thành, thành phố Gia Nghĩa; Tiểu khu: 1685, 1697, 1700, 1704, 1712, 1716, 1717, 1727, 1728, 1733, 1734, 1735, 1743 địa giới hành chính xã Đắc Ha và xã Quảng Sơn, huyện Đắc Glong.

- Diện tích: 6.719,77 ha (*đất trồng lâm nghiệp không có cây gỗ tái sinh (Dt1) 2.002,13 ha; đất lâm nghiệp bị người dân lấn, chiếm canh tác nương rẫy 4.717,65 ha*).

- Loài cây trồng: Căn cứ loài cây trồng theo Đề án phát triển rừng bền vững bằng phương thức nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán được UBND tỉnh Đắc Nông phê duyệt tại Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 17/12/2021, lựa chọn loài cây trồng phù hợp điều kiện lập địa, mục tiêu sản xuất, kinh doanh của các hộ gia đình khi tham gia thực hiện Phương án.

Các hoạt động phát triển rừng phòng hộ (*phát triển rừng tự nhiên, phát triển rừng trồng*) đảm bảo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định hiện hành, không làm ảnh hưởng tiêu cực đến rừng, môi trường.

3.3.3. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực

Hàng năm, cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, nâng cao kỹ thuật nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng; ứng dụng công nghệ viễn thám và công nghệ thông tin trong cập nhật, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng do Sở Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm tổ chức.

3.3.4. Sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp

* Mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng

- Diện tích: dự kiến trên toàn bộ 1.553,74 ha (*diện tích rừng tự nhiên 1.180,19 ha có trạng thái thường xanh nghèo và thường xanh nghèo kiệt; 373,55 ha rừng trồng thay thế bằng cây Sao đen từ năm 2017 đến năm 2021*).

- Vị trí: Tiểu khu 1684, 1691, 1705, 1702, 1685, 1697, 1700, 1704, 1712, 1716, 1717, 1727, 1728, 1733, 1734, 1735, 1743 nằm trên địa giới hành chính phường Quảng Thành - thành phố Gia Nghĩa (04 Tiểu khu); xã Đắk Ha (11 Tiểu khu) và xã Quảng Sơn (02 Tiểu khu), huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- Loài cây trồng: các loài cây dược liệu có giá trị kinh tế, phù hợp điều kiện tự nhiên của khu vực.

- Hình thức thực hiện: Liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp.

- Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2031.

3.3.5. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng

- Xây mới Trạm quản lý, bảo vệ rừng số 4 với diện tích dự kiến 120 m²/trạm.

- Thời gian thực hiện: Năm 2024.

3.3.6. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng

a) Các dịch vụ cho cộng đồng

- Xây dựng mô hình sản xuất nông lâm ngư nghiệp; phát triển dược liệu dưới tán rừng gắn với quản lý, bảo vệ rừng.

- Tuyên truyền giáo dục môi trường cho các trường học.

b) Hình thức tổ chức thực hiện

Theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

3.3.7. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng

a) Các dịch vụ được tiến hành

- Tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng từ các nhà máy thủy điện.

- Tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng từ các cơ sở kinh doanh du lịch sinh thái có sử dụng nguồn nước.

- Tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng từ các cơ sở sản xuất nước sạch.

- Tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái và các dịch vụ môi trường rừng khác.

b) Tổ chức triển khai, thực hiện

Theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

3.3.8. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

- Tổ chức các đợt tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Biểu dương những cộng đồng và người dân địa phương tham gia tích cực và chấp hành tốt trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

3.3.9. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng

Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng; việc theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, điều tra, kiểm kê rừng phải được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

4. Nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư

4.1. Tổng hợp nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn đầu tư xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững cho cả giai đoạn 2022-2031: **237.952.106.290 đồng** (*Hai trăm ba mươi bảy tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu, một trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm chín mươi đồng*).

4.2. Nguồn vốn đầu tư

- Nguồn vốn từ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong công tác trồng rừng và quản lý, bảo vệ rừng giai đoạn 2022-2031: 102.294.755.766 đồng (*Một trăm lẻ hai tỷ, hai trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi sáu đồng*).

- Nguồn vốn từ thu tiền tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2022-2031: 30.937.777.084 đồng (*Ba mươi tỷ, chín trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm tám mươi đồng*).

- Nguồn tiền trồng rừng thay thế do các chủ dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh 27.032.664.976 đồng (*Hai mươi bảy tỷ, không trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi tư nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng*).

- Nguồn vốn khác: 77.686.908.464 đồng (*Bảy mươi bảy tỷ, sáu trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm lẻ tám nghìn, bốn trăm sáu mươi tư đồng*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Nghĩa chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo đúng mục tiêu và tiến độ thực hiện; tuân thủ đúng quy định hiện hành. Để có cơ sở thực hiện các hạng mục

trên, Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Nghĩa phải xây dựng dự án, đề án, kế hoạch, hồ sơ thiết kế... theo đúng quy định của pháp luật cho từng hạng mục cụ thể, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giám sát Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Nghĩa trong quá trình tổ chức thực hiện Phương án.

- Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Nghĩa rà soát các hồ sơ pháp lý liên quan, đặc biệt là lĩnh vực lâm nghiệp để hoàn thiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Nguyên và Môi trường, Công Thương; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chủ tịch UBND huyện Đắk Glong; Chủ tịch UBND thành phố Gia Nghĩa; Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Nghĩa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(Thi).

9

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên